

**BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3112 /CAT-PC08

Lai Châu, ngày 26 tháng 3 năm 2025

V/v tham gia ý kiến vào
Hồ sơ Dự thảo văn bản

Kính gửi:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành danh mục Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết Luật Đường bộ và Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Công an tỉnh đã xây dựng dự thảo Quyết định ban hành quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Để đảm bảo quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Công an tỉnh kính đề nghị quý cơ quan nghiên cứu, tham gia đóng góp ý kiến vào Hồ sơ dự thảo Quyết định ban hành Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu. (Gửi kèm theo dự thảo: Tờ trình, Quyết định ban hành quy định, tài liệu liên quan).

Ý kiến tham gia của quý cơ quan đề nghị gửi về Công an tỉnh **trước ngày 20/4/2025** để tổng hợp.

Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh đăng tải hồ sơ dự thảo quyết định lên mục “Lấy ý kiến về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật” trên Cổng thông tin điện tử tỉnh theo quy định.

Công an tỉnh kính mong nhận được sự quan tâm phối hợp của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc CAT (b/c);
- Trang TTĐT CAT;
- Lưu: VT, PC08.



Đại tá Lê Anh Hưng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

Số: /2025/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lai Châu, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025

2. Từ ngày Quyết định này có hiệu lực, các Quyết định sau đây của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu hết hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 34/2012/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2012 ban hành Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận tải hành khách đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

b) Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 34/2012/QĐ-UBND ngày 07/11/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận tải hành khách đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế, Cục CSGT - Bộ Công an;
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng;
- TT. Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; UB MTTQ tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo Lai Châu, Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm TT - HN - NK tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Lương

QUY ĐỊNH

Về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND
ngày/.../2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết khoản 5 Điều 44 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Các nội dung không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện hoạt động vận tải trong đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý hoạt động vận tải trong đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Các từ ngữ trong Quy định này được hiểu như sau

1. *Đô thị* là khu vực tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp, là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa hoặc chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, một địa phương, bao gồm nội thành, ngoại thành của thành phố; nội thị, ngoại thị của thị xã; thị trấn. (Khoản 1 Điều 3 Luật Quy hoạch đô thị 2009)

2. *Đường đô thị* là đường trong phạm vi địa giới hành chính nội thành, nội thị, bao gồm: đường cao tốc đô thị, đường phố, đường ngõ, ngách, kiệt, hẻm trong đô thị. (đ e, k 1, Đ 8, Luật Đường bộ)

3. *Hoạt động vận tải trong đô thị* là việc tổ chức, cá nhân sử dụng xe thô sơ, xe cơ giới để vận tải người, hàng hoá trên các tuyến đường bộ; vận chuyển

vật liệu xây dựng, phế thải rời, chất thải nguy hại, rác thải vệ sinh môi trường trên các tuyến đường đô thị.

4. *Hoạt động kinh doanh vận tải đường bộ* là hoạt động do tổ chức, cá nhân (sau đây gọi là đơn vị kinh doanh vận tải) sử dụng xe thô sơ, xe cơ giới để cung cấp dịch vụ vận tải người, hàng hoá trên đường bộ nhằm mục đích sinh lợi. (Khoản 4 Điều 56 Luật Đường bộ)

5. *Hoạt động vận tải nội bộ bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ* là hoạt động vận tải không kinh doanh, không thu tiền cước, chi phí vận tải được tính vào chi phí quản lý, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc dịch vụ của người vận tải; bao gồm hoạt động vận tải người nội bộ và hoạt động vận tải hàng hoá nội bộ. (Khoản 12 Điều 56 Luật Đường bộ)

6. *Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt* là loại hình kinh doanh vận tải hành khách sử dụng xe ô tô chở người từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) để vận tải hành khách, có xác định điểm đầu, điểm cuối, các điểm dừng xe để đón, trả khách với lịch trình, hành trình xác định. (Khoản 8 Điều 56 Luật Đường bộ)

7. *Ô tô thành phố để người khuyết tật tiếp cận sử dụng* là ô tô khách thành phố có dành cho người khuyết tật và có kết cấu để người khuyết tật có thể tiếp cận sử dụng. (Mục 1.3.1 QCVN 82:2019/BGTVT)

Điều 4. Yêu cầu chung đối với hoạt động vận tải trong đô thị

1. Phương tiện tham gia hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải đảm bảo các điều kiện và quy định như sau: Đáp ứng các điều kiện đối với phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 35, Điều 41, Điều 42 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; còn niên hạn sử dụng theo quy định của Chính phủ.

2. Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách, đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa phải có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ do Sở Giao thông vận tải cấp theo quy định. (Khoản 1 Điều 19 Dự thảo Nghị định hoạt động vận tải đường bộ)

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI

ĐƯỜNG BỘ TRONG ĐÔ THỊ VÀ TỶ LỆ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG CÓ THIẾT BỊ HỖ TRỢ CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT HOẠT ĐỘNG TRONG ĐÔ THỊ

Điều 5. Vận tải hành khách theo tuyến cố định

1. Yêu cầu đối với phương tiện: Ngoài các quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này, xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải đáp ứng các quy định tại khoản 4 Điều 4, khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận

tải đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 158/2024/NĐ-CP); Điều 9 Thông tư số 18/2024/TT-BGTVT ngày 31/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 18/2024/TT-BGTVT).

2. Hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định thực hiện theo quy định tại khoản 7, khoản 13 Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 57 Luật Đường bộ; Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Điều 4 Nghị định số .../2024/NĐ-CP; Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư số 158/2024/TT-BGTVT.

3. Xe ô tô vận tải hành khách tuyến cố định phải chạy đúng lịch trình, hành trình được công bố. Chỉ được dừng, đón, trả khách tại bến xe hai đầu tuyến và các điểm dừng đón trả khách tuyến cố định dọc theo hành trình tuyến đã được công bố.

4. Chấp hành giữ gìn vệ sinh, bố trí thùng rác trên xe, không để hành khách vứt rác xuống lòng, lề đường.

Điều 6. Hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt

1. Yêu cầu đối với phương tiện

Ngoài các quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này, xe ô tô buýt vận tải hành khách phải đáp ứng các quy định tại khoản 2 Điều 5, khoản 1, khoản 3 Điều 13 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP; Điều 18 Thông tư số 18/2024/TT-BGTVT; khoản 2, Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt

a) Thực hiện theo các quy định tại khoản 8, khoản 13 Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 57 Luật Đường bộ; Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

b) Công tác quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trong đô thị tuân thủ theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 18/2024/TT-BGTVT.

Điều 7. Hoạt động vận tải hành khách bằng taxi

1. Yêu cầu đối với phương tiện

Ngoài các quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này, xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi phải đáp ứng các quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 6, khoản 1, khoản 4 Điều 13 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP; khoản 2, Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Điểm dừng đón, trả khách, điểm đỗ xe taxi

a) Điểm dừng đón, trả khách cho xe taxi phải đảm bảo an toàn giao thông;

b) Điểm đỗ xe taxi gồm 02 loại: Điểm đỗ xe taxi do Đơn vị kinh doanh vận tải tổ chức và quản lý; điểm đỗ xe taxi do cơ quan quản lý nhà nước của địa

phương tổ chức và quản lý; điểm đỗ xe taxi phải đảm bảo trật tự, an toàn và không gây ùn tắc giao thông; đáp ứng yêu cầu về phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường.

3. Hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi

a) Thực hiện theo quy định tại khoản 9, khoản 13 Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 57 Luật Đường bộ; Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

b) Người lái xe taxi và hành khách đi xe có thể thỏa thuận vị trí đón, trả khách nhưng phải chấp hành các quy định về bảo đảm an toàn giao thông, tổ chức giao thông đô thị;

c) Trong thời gian đỗ xe chờ đón khách, các xe chỉ được đỗ tại các điểm đỗ xe taxi theo quy định;

d) Xe taxi được bố trí nơi dừng, đỗ để đón, trả khách tại các bến xe, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, điểm tham quan du lịch, địa điểm văn hóa, thể thao, trung tâm thương mại; được ưu tiên hoạt động khi tổ chức giao thông tại đô thị. *(Khoản 8 Điều 6 Dự thảo Nghị định quy định hoạt động vận tải đường bộ)*

Điều 8. Hoạt động vận tải hành khách theo hợp đồng

1. Yêu cầu đối với phương tiện: Ngoài các quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này, xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng phải đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 7, khoản 1 khoản 5 Điều 13 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP.

2. Hoạt động vận tải hành khách bằng xe hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 10, khoản 13 Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 57 Luật Đường bộ; Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 7 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP.

Điều 9. Hoạt động vận tải hàng hóa

1. Yêu cầu đối với phương tiện

a) Ngoài các quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này, xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP;

b) Xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc kinh doanh vận tải hàng hóa phải có phù hiệu “XE ĐẦU KÉO”, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải phải có phù hiệu “XE TẢI” và được dán cố định phía bên phải mặt trong kính trước của xe; phải được niêm yết đầy đủ các thông tin trên xe theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. *(Khoản 5 Điều 8 Dự thảo Nghị định quy định hoạt động vận tải đường bộ)*

1. Hoạt động vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải

a) Hoạt động vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải là việc sử dụng xe ô tô có trọng tải từ 1.500 ki-lô-gam trở xuống để vận chuyển hàng hóa và người thuê vận tải trả tiền cho lái xe theo đồng hồ tính tiền hoặc theo phần mềm tính tiền trên xe. Mặt ngoài hai bên thành xe hoặc cánh cửa xe niêm yết chữ “TAXI TẢI”, số điện thoại liên lạc, tên đơn vị kinh doanh;

b) Thực hiện theo quy định tại khoản 11, khoản 13 Điều 56, Điều 61 Luật Đường bộ; khoản 1 Điều 49 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Hoạt động vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng

a) Hoạt động vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng là việc sử dụng xe ô tô phù hợp để vận chuyển hàng không thể chia nhỏ, tháo rời, khi vận chuyển trên đường bộ làm cho phương tiện hoặc tổ hợp phương tiện bị vượt quá giới hạn cho phép tham gia giao thông đường bộ về kích thước, khối lượng theo quy định của pháp luật;

b) Khi vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng, phải thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 56, Điều 61 Luật Đường bộ; Điều 53 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

3. Hoạt động vận tải hàng hóa nguy hiểm

a) Hoạt động vận tải hàng nguy hiểm là việc sử dụng xe ô tô để vận chuyển hàng hóa có chứa các chất nguy hiểm có khả năng gây nguy hại tới tính mạng, sức khỏe con người, môi trường, an toàn và an ninh quốc gia. Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa nguy hiểm phải có Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo quy định do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Thực hiện theo quy định tại khoản 11, khoản 13 Điều 56, Điều 61 Luật Đường bộ; khoản 1 Điều 49 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng nguy hiểm.

4. Hoạt động vận tải hàng hóa thông thường

a) Hoạt động vận tải hàng hóa thông thường là hình thức kinh doanh vận tải hàng hóa trừ các hình thức kinh doanh vận tải quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này;

b) Thực hiện theo quy định tại khoản 11, khoản 13 Điều 56, Điều 61 Luật Đường bộ; khoản 1 Điều 49 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Điều 11. Hoạt động vận tải nội bộ bằng xe ô tô

1. Hoạt động vận tải người nội bộ bằng xe ô tô thực hiện theo khoản 12, khoản 13 Luật Đường bộ; Điều 25 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP;
2. Hoạt động vận tải hàng hóa nội bộ bằng xe ô tô thực hiện theo khoản 12, khoản 13 Luật Đường bộ; Điều 26 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP;

Điều 12. Thời gian, phạm vi hoạt động

1. Phương tiện vận tải hành khách, hàng hóa được phép hoạt động 24/24 trên các tuyến đường bộ trong đô thị trên địa bàn tỉnh Lai Châu, trừ các tuyến, đoạn tuyến đường bộ có biển báo cấm hoặc biển hạn chế loại phương tiện hay thời gian hoạt động theo quy định của pháp luật.
2. Hoạt động vận chuyển hàng nguy hiểm chỉ được phép lưu thông theo lộ trình, thời gian nhất định được quy định trong Giấy phép lưu hành xe (trong đô thị) do cơ quan có thẩm quyền cấp; lộ trình lưu thông hạn chế đi qua khu vực đô thị, khu đông dân cư. Trong quá trình hoạt động phải có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông và vệ sinh môi trường.
3. Các loại xe phục vụ mục đích công cộng (Xe thư báo, xe bảo trì, sửa chữa hệ thống báo hiệu đường bộ, điện lực, hệ thống chiếu sáng, trang trí, viễn thông, xe sửa chữa ống nước, chăm sóc cây xanh) được phép hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị, trong quá trình hoạt động phải có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông.

Điều 13. Hoạt động của một số loại phương tiện khác

1. Hoạt động của xe thô sơ: Thực hiện theo thực hiện theo Quyết định số .../2024/QĐ-UBND ngày ... của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy định điều kiện, phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ không tham gia kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số .../2024/QĐ-UBND ngày ... của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy định về sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Lai Châu.
2. Hoạt động của xe bốn bánh có gắn động cơ: Thực hiện theo Quyết định số .../2024/QĐ-UBND ngày ... của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy định điều kiện, phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ không tham gia kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số .../2024/QĐ-UBND ngày ... của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy định thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Lai Châu.
3. Hoạt động của xe phục vụ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời: Thực hiện theo Quyết định số .../2024/QĐ-UBND ngày ... của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy định thời gian hoạt động của

xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 14. Tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị

1. Yêu cầu đối với phương tiện

a) Đảm bảo điều kiện hoạt động theo quy định khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 6 Quy định này; đảm bảo chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô khách thành phố được quy định tại quy chuẩn QCVN 10:2015/BGTVT và quy chuẩn QCVN 82:2019/BGTVT “Quy chuẩn quốc gia về ô tô khách thành phố để người khuyết tật tiếp cận, sử dụng” ban hành kèm theo Thông tư số 26/2019/TT-BGTVT ngày 01/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

b) Trên xe phải có ít nhất 4 ghế ưu tiên cho người người khuyết tật sử dụng; (*mục 2.3.2.1 QCVN số 82/2019*)

c) Có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật lên xuống xe.

2. Các đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe buýt phải đáp ứng 100% số lượng tiện đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trách nhiệm của Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác tổ chức, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đô thị trên địa bàn tỉnh.

b) Kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về trật tự, an toàn giao thông trong hoạt động vận tải đường bộ đô thị theo quy định.

2. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

b) Chỉ đạo các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt xây dựng kế hoạch đầu tư phương tiện đảm bảo có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật theo Quy định này.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Tổ chức triển khai thực hiện Quy định này trên địa bàn, căn cứ tình hình thực tế của địa phương để tổ chức lắp đặt biển báo các loại trên các tuyến đường đô thị do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý phù hợp với nội dung tại Điều 12 của Quyết định này đảm bảo trật tự, an toàn giao thông tại địa phương.

4. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến Quy định này đến các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị.

Điều 16. Trách nhiệm của đơn vị vận tải

1. Thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động vận tải đường bộ và Quy định này.

2. Quản lý, theo dõi người lái xe, phương tiện trong quá trình hoạt động đảm bảo thực hiện đúng lịch trình, hành trình, phạm vi, thời gian hoạt động trong đô thị.

3. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về kinh doanh, điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động và pháp luật khác có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Công an tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.